TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS-PT
Ngày 28/02/2025
"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2025, về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Sơn Thế T, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1995, địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Triệu Quang M, sinh năm 1969, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Sơn Thế T trình bày:

Ông T cho bà L vay tiền, nhận cầm cố, thế chấp tài sản, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 24-6-2023, ông T cho bà L vay số tiền 200.000.000 đồng. Thời hạn vay 90 ngày và không tính lãi. Hai bên có làm hợp đồng mượn tài sản được Văn phòng công chứng Trần Thanh Dũng công chứng ngày cùng 24-6-2023. Sau khi công chứng hợp đồng, tại Văn phòng công chứng Thanh Dũng, ông T đã giao cho bà L số tiền vốn vay 200.000.000 đồng, đến nay đã quá hạn thời hạn trả tiền vay nhưng bà L trốn tránh, không trả tiền vay cho ông T.

Lần 2: Cùng ngày 24-6-2023, ông T cho bà L vay số tiền 200.000.000 đồng. Thời hạn vay 10 ngày, từ ngày 24-6-2023 đến ngày 04-7-2023 và không tính lãi. Sau khi nhận tiền vay, bà L viết giấy cầm xe mượn tiền, giao cho ông T giấy tờ, tài sản gồm: 01 (một) Xe ô tô biển kiểm soát 83C-10420; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83 000060, tên Nguyễn Thị Thúy H (bản photo, có đóng dấu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng); 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số DA 2134739, biển đăng ký 83C – 104.20 (bản chính); 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 0239510 tên Nguyễn Thị Thúy H (bản chính); 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 0765753 tên Nguyễn Thị Thúy H (bản chính), đến nay đã quá hạn thời hạn trả tiền vay, bà L trốn tránh, không trả tiền vay cho ông T, Xe ô tô biển kiểm soát 83C-10420 và các giấy tờ bà L giao, ông T đang quản lý, cất giữ.

Lần 3: Vào khoàng tháng 6-2023, ông T cho bà L vay số tiền 100.000.000 đồng, không tính lãi, có làm biên nhận nhưng đã thất lạc. Sau khi nhận tiền vay, bà L có giao ông T 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 988669 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cấp cho Bà Trần Thị L, ông Triệu Quang M ngày 27-8-2014 (viết tắt là GCNQSDĐ); bà L có vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng, không có làm biên nhận, đến nay đã quá hạn thời hạn trả tiền vay, bà L trốn tránh, không trả tiền vay cho ông T, bản chính GCNQSDĐ ông T đang quản lý, cất giữ.

Lần 4: Vào ngày 26-6-2023, ông T cho bà L vay số tiền 50.000.000 đồng. Thời hạn vay 05 ngày, từ ngày 26-6-2023 đến ngày 01-7-2023 và không tính lãi. Bà L có viết biên nhận mượn tiền, ký tên, viết tên và đưa biên nhận mượn tiền cho ông T cất giữ, đến nay đã quá hạn thời hạn trả tiền vay, bà L trốn tránh, không trả tiền vay cho ông T.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà L trả cho ông T số tiền vốn vay còn nợ tổng cộng 570.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Ông T đồng ý trả cho bà L 01 (một) Xe ô tô biển kiểm soát 83C-104.20; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83 000060, tên Nguyễn Thị Thúy H (bản photo, có đóng dấu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng); 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số DA 2134739, biển đăng ký 83C – 104.20 (bản chính); 01 (một)

Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 0239510 tên Nguyễn Thị Thúy H (bản chính); 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 0765753 tên Nguyễn Thị Thúy H (bản chính); 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 988669 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cấp cho Bà Trần Thị L, ông Triệu Quang M ngày 27-8-2014 (bản chính).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Trần Thị L trình bày:

Bà L với ông Triệu Quang M là vợ chồng. Bà L với ông Sơn Thế T, bà Nguyễn Thị Thúy H không có quan hệ bà con thân tộc.

Ông T trình bày vào ngày 24-6-2023, ông T cho bà L vay số tiền 200.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh, thời hạn vay 90 ngày, không tính lãi, hợp đồng mượn tài sản được Văn phòng công chứng Trần Thanh Dũng công chứng ngày cùng 24-6-2023; ngày 26-6-2023, ông T cho bà vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 05 ngày, không tính lãi là không đúng, bà L không có vay số tiền này như ông T trình bày.

Vào ngày 23-6-2023, bà L có giao cho ông T giấy tờ, Xe ô tô biển kiểm soát 83C-104.20 để vay số tiền 200.000.000 đồng. Ông T chỉ đưa cho bà L số tiền 150.000.000 đồng vì trừ tiền người giới thiệu (tiền cò) hết 20.000.000 đồng, tiền lãi đóng trước hết 30.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy biên nhận viết tay, bà L có ký tên vào giấy biên nhận, bản chính giấy biên nhận do ông T quản lý, cất giữ.

Vào khoảng 6-2023, bà L có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trương để vay số tiền 100.000.000 đồng, có làm giấy viết tay, bà L có ký tên, lăn tay vào giấy biên nhận, bản chính do ông T giữ. Số tiền vay ông T trừ tiền lãi của giao dịch cầm cố xe hết 80.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng trừ vào tiền lãi của lần vay tiền này. Thực tế, bà L không có nhận tiền vay.

Bà L có đóng lãi cho ông T bằng hình thức chuyển khoản số tiền 26.000.000 đồng, đóng lãi bằng tiền mặt cho ông T một lần số tiền 30.000.000 đồng, một lần số tiền 10.000.000 đồng, một lần số tiền 15.000.000 đồng, các lần đóng lãi này không có làm biên nhận, không có ai chứng kiến.

Xe ô tô biển kiểm soát 83C-104.20 do bà Nguyễn Thị Thúy H đứng tên. Trước đây, bà H có mượn của bà L số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi mua xe, bà H không sử dụng nên bà H bán lại cho bà L số tiền 270.000.000 đồng, bản chính giấy tờ và xe này bà H giao cho bà L. Sau đó bà L giao giấy tờ và xe này cho ông T để vay số tiền 200.000.000 đồng.

Bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T. Đối với giao dịch mua bán xe giữa bà L và bà H thì bà L không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 12 năm 2023 và trong quá

trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Bà H với bà L không có quan hệ bà con thân tộc. Bà L quen biết với mẹ bà H, thường hay qua nhà chơi nên bà H biết bà L.

Xe ô tô biển kiểm soát 83C-104.20 là tài sản của bà H, bà H mua vào năm 2022 với số tiền 324.000.000 đồng. Bà H có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) – Chi nhánh Cần Thơ (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 240.000.000 đồng để mua xe và thế chấp xe ô tô này tại Ngân hàng. Ngân hàng chỉ cấp cho giấy đi đường, giấy tờ cần thiết để sử dụng xe.

Vào khoảng tháng 3-2023, bà H không còn nhu cầu sử dụng xe ô tô này, bà L có đề nghị giao xe ô tô này cho bà L sử dụng, bà L sẽ trả tiền vốn vay, tiền lãi tại Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản vay. Sau khi bà L trả hết nợ vay tại Ngân hàng, bà H sẽ liên hệ với Ngân hàng lấy lại giấy tờ bản chính và giao cho bà L toàn quyền sử dụng xe. Tuy nhiên, từ khi giao xe cho bà L, bà L chỉ trả vốn vay, tiền lãi cho Ngân hàng được 02 tháng. Bà H liên hệ thì bà L hẹn lần không trả.

Bà L phải trả hết tiền cho Ngân hàng, bà H sẽ giao lại hết bản chính giấy tờ xe cho bà L, sau đó bà L có toàn quyền quyết định đối với xe ô tô này. Trường hợp, bà L không trả vốn, lãi cho Ngân hàng, Ngân hàng có khởi kiện bà H đồng ý giao xe cho Ngân hàng để trả nợ. Đối với giao dịch cầm xe vay tiền giữa bà L với ông T, bà H không có ý kiến, không yêu cầu gì.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Quang M:

Ông M đã được cấp, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

"Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sơn Thế T, buộc Bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Sơn Thế T số tiền vốn vay còn nợ tổng cộng là 550.000.000 đồng, gồm:

- Số tiền vốn vay còn nợ theo Hợp đồng mượn tài sản ngày 24-6-2023 là 200.000.000 đồng.

- Số tiền vốn vay còn nợ theo Giấy cầm xe mượn tiền ngày 24-6-2023 là 200.000.000 đồng.

- Số tiền vốn vay còn nợ theo biên nhận mượn tiền khoảng tháng 6-2023 (đã thất lạc biên nhận) là 100.000.000 đồng.

- Số tiền vốn vay còn nợ theo Biên nhận mượn tiền ngày 26-6-2023 là 50.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Ghi nhận sự thống nhất giữa ông Sơn Thế T và Bà Trần Thị L về việc ông T Thế Trương giao trả cho Bà Trần Thị L tài sản, giấy tờ gồm:

- 01 (một) Xe ô tô biển kiểm soát 83C-104.20, nhãn hiệu TERACO, số máy 4A168C43Q220494428D, số khung RM0LF18ALNC000045, màu xanh, số chỗ ngồi 02.

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83 000060, tên Nguyễn Thị Thúy H (bản photo, có đóng dấu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng).

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số DA 2134739, biển đăng ký 83C – 104.20 (bản chính).

- 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 0239510 tên Nguyễn Thị Thúy H (bản chính).

- 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 0765753 tên Nguyễn Thị Thúy H (bản chính).

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 988669 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cấp cho Bà Trần Thị L, ông Triệu Quang M ngày 27-8-2014 (bản chính).

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Sơn Thế T về việc yêu cầu Bà Trần Thị L phải trả tiền lãi và yêu cầu bà L trả số tiền vốn vay 20.000.000 đồng."

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/9/2024, Bà Trần Thị L gửi đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm là không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay 200.000.000 đồng theo "Hợp đồng mượn tài sản" được ký kết tại Văn phòng Công chứng Trần Thanh Dũng và khoản tiền vay 100.000.000 đồng vào khoảng tháng 6 năm 2023. Bởi vì khoản tiền vay 200.000.000 theo "Hợp đồng mượn tài sản" được ký kết tại Văn phòng Công chứng Trần Thanh Dũng và khoản tiền vay 200.000.000 đồng theo "Giấy cầm xe mượn tiền" thực chất là một giao dịch bà chỉ nhận một lần với số tiền 200.000.000 đồng, không phải 02 giao dịch như ông T trình bày mà cấp sơ thẩm buộc bà phải trả số tiền 400.000.000 đồng; đối với khoản vay 100.000.000 đồng thực chất bà không có nhận số tiền này mà ông T đã gây áp lực buộc bà phải đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký nhận nợ 100.000.000 đồng để đóng tiền lãi cho khoản nợ 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Trần Thị L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Triệu Quang M, Hội đồng xét xử nhận thấy việc xem xét nội dung kháng cáo của Bà Trần Thị L không ảnh hưởng đến bà H và ông M, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông M.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Trần Thị Loan cho rằng khoản tiền vay 200.000.000 theo "Hợp đồng mượn tài sản" lập ngày 24-6-2023 được ký kết tại Văn phòng Công chứng Trần Thanh Dũng và khoản tiền vay 200.000.000 đồng theo "Giấy cầm xe mượn tiền" đề ngày 24-6-2023 thực chất là một giao dịch bà chỉ nhận một lần với số tiền 200.000.000 đồng, không phải 02 giao dịch như ông T trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nội dung "Hợp đồng mượn tài sản" lập ngày 24-6-2023 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trần Thanh Dũng, các bên thỏa thuận: Ông T cho bà L mượn số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn mượn là 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng, mục đích mượn là kinh doanh, các bên không có thỏa thuận tài sản đảm bảo.

[2.2] Nội dung "Giấy cầm xe mượn tiền" đề ngày 24-6-2023, các bên thỏa thuận: Bà L có cầm cố của chị Nguyễn Thị Thúy Hằng chiếc xe biển số 83C-10420, nay bà L đem chiếc xe cầm cố lại cho ông T số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn là 10 ngày từ ngày 24/6/2023 đến 04/7/2023.

[2.3] Qua xem xét nội dung của 02 hợp đồng nêu trên chỉ trùng khớp về số tiền, các nội dung còn lại đều khác nhau như: Mục đích vay mượn, cam kết thời hạn thanh toán và tài sản đảm bảo. Bà L nhận biết được nội dung khác nhau giữa 02 hợp đồng nay và bà cũng đã ký tên xác lập giao dịch với ông T, nên bà phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nay bà L kháng cáo cho rằng 02 hợp đồng nêu trên thực chất là một giao dịch bà chỉ nhận một lần với số tiền 200.000.000 đồng là không phù hợp thực tế, bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc này.

[3] Bà L cho rằng khi ký "Hợp đồng mượn tài sản" lập ngày 24-6-2023 tại Văn phòng Công chứng Trần Thanh Dũng, bà không có nhận của ông T số tiền

200.000.000 đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên theo lời trình bày của người làm chứng là bà Lâm Thị Hoa Ny xác nhận: Bà L có nợ bà số tiền 50.000.000 đồng nên bà giới thiệu bà L vay tiền của ông T để lấy tiền trả nợ cho bà, khi các bên ký hợp đồng tại Văn phòng công chứng Thanh Dũng bà cũng có mặt, sau khi ký hợp đồng xong ông T có giao cho bà L số tiền vay 200.000.000 đồng nên bà L trả cho bà số tiền đã mượn 50.000.000 đồng, số tiền còn dư bà L giữ; người làm chứng bà Thạch Thị Xuân Mai trình bày: Bà có biết việc bà L vay của ông T số tiền 200.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng Thanh Dũng, vì bà Mai được bà L thuê chở đến Văn phòng công chứng Thanh Dũng, bà L có nói với bà là giao dịch xong rồi, còn lại hơn 100.000.000 đồng do trước đó bà L có mượn của bà Ny số tiền 50.000.000 đồng.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, cấp sơ thẩm buộc bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 400.000.000 đồng theo 02 hợp đồng nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật, bà L kháng cáo về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Bà L kháng cáo đối với khoản vay 100.000.000 đồng, bà cho rằng mình không có nhận số tiền này mà ông T đã gây áp lực buộc bà phải đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký nhận nợ 100.000.000 đồng để đóng tiền lãi cho khoản nợ 200.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm, bà L thừa nhận có giao bản chính GCNQSDĐ cho ông T để vay số tiền 100.000.000 đồng, các bên có làm biên nhận giấy tay, bà có ký, viết tên và đưa cho ông T giữ; người làm chứng bà Thạch Thị Xuân Mai trình bày: Bà có biết việc bà L giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T để vay số tiền 100.000.000 đồng. Việc bà L cho rằng số tiền 100.000.000 đồng này là trừ tiền lãi của giao dịch cầm xe hết số tiền 80.000.000 đồng, còn lại số tiền 20.000.000 đồng trừ vào tiền lãi của khoản vay này nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh được việc này. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc bà L phải thanh toán cho ông T khoản nợ vay 100.000.000 đồng này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L về nội dung này.

[6] Đối với chiếc xe biển số 83C-10420 bà L cầm cố cho ông T, do bà H đứng tên quyền sở hữu và đã thế chấp cho Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, nhưng trong vụ án này bà H, bà L và Ngân hàng không có ý kiến về việc giải quyết giao dịch liên quan đến chiếc xe. Vì bà L là người giao xe cho ông T để vay số tiền 200.000.000 đồng, khi buộc bà L trả tiền vay thì phía ông T có nghĩa vụ giao trả chiếc xe cho bà L tạm giữ. Nếu giữa các bên Ngân hàng, bà H và bà L có phát sinh tranh chấp các giao dịch liên quan đến chiếc xe thì được quyền yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[7] Các nội dung khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu án phí với số tiền 300.000 đồng, do nội dung kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Trần Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm 45/2024/DS-ST ngày 09/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã tuyên xử:

"1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sơn Thế T, buộc Bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Sơn Thế T số tiền vốn vay còn nợ tổng cộng là 550.000.000 đồng, gồm:

- Số tiền vốn vay còn nợ theo Hợp đồng mượn tài sản ngày 24-6-2023 là 200.000.000 đồng.

- Số tiền vốn vay còn nợ theo Giấy cầm xe mượn tiền ngày 24-6-2023 là 200.000.000 đồng.

- Số tiền vốn vay còn nợ theo biên nhận mượn tiền khoảng tháng 6-2023 (đã thất lạc biên nhận) là 100.000.000 đồng.

- Số tiền vốn vay còn nợ theo Biên nhận mượn tiền ngày 26-6-2023 là 50.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Ghi nhận sự thống nhất giữa ông Sơn Thế T và Bà Trần Thị L về việc ông T giao trả cho bà L tài sản, giấy tờ gồm:

- 01 (một) Xe ô tô biển kiểm soát 83C-104.20, nhãn hiệu TERACO, số máy 4A168C43Q220494428D, số khung RM0LF18ALNC000045, màu xanh, số chỗ ngồi 02.

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 83 000060, tên Nguyễn Thị Thúy H (bản photo, có đóng dấu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng).

- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số DA 2134739, biển đăng ký 83C – 104.20 (bản chính).

- 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 0239510 tên Nguyễn Thị Thúy H (bản chính).

- 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 0765753 tên Nguyễn Thị Thúy H (bản chính).

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 988669 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cấp cho Bà Trần Thị L, ông Triệu Quang M ngày 27-8-2014 (bản chính).

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Sơn Thế T về việc yêu cầu Bà Trần Thị L phải trả tiền lãi và yêu cầu bà L trả số tiền vốn vay 20.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị L phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 26.000.000 đồng.

- Ông Sơn Thế T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Sơn Thế T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.400.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009083 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng."

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005163 ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành ;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang Nhuận